

PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG CỦA VIỆT NAM SAU ĐẠI DỊCH COVID-19

VIETNAM'S SUPPLY CHAIN DEVELOPMENT AFTER COVID-19 PANDEMIC

Lê Thị Huyền

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 14/04/2022, chấp nhận đăng ngày 09/05/2022

Tóm tắt: Đại dịch Covid-19 đã đem lại những thách thức đáng kể cho chuỗi cung ứng thế giới cũng như chuỗi cung ứng Việt Nam. Kể từ khi virus corona được phát hiện vào tháng 12 năm 2019 tại Trung Quốc, chuỗi cung ứng của Việt Nam bị ảnh hưởng đáng kể vì nhiều lý do, như sự thiếu hụt nguyên vật liệu sản xuất, vận chuyển hàng hóa bị gián đoạn, thiếu hụt lao động, ... Nhằm giúp các doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, cần: Nhanh chóng quyết liệt kiểm soát dịch bệnh, xây dựng phương án - chương trình đào tạo người lao động, mở rộng tìm kiếm nguồn cung nguyên vật liệu cũng như đầu ra cho sản phẩm, thực hiện tốt an sinh xã hội...

Từ khóa: Covid-19, chuỗi cung ứng, thách thức, phát triển.

Abstract: The Covid-19 pandemic has brought significant challenges to the world supply chain as well as to the Vietnamese supply chain. Since the coronavirus was detected in December 2019 in China, Vietnam's supply chain has been significantly affected for many reasons, such as a shortage of raw materials for production, disruption of goods transportation, labor shortage, etc. In order to help Vietnamese enterprises participate more deeply in the global supply chain, it is necessary to: Quickly control the epidemic, develop plans - training programs for employees, expanding the search for sources of raw materials as well as output for products, implementing social security well...

Keywords: Covid -19, supply chain, challenges, development.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Có thể hiểu: “Chuỗi cung ứng là một hệ thống các hoạt động cung cấp, sản xuất và phân phối một sản phẩm hoặc dịch vụ từ nhà cung cấp đầu tiên đến người tiêu dùng cuối cùng”. Hoặc cũng có thể hiểu là: “Chuỗi cung ứng một mặt hàng là quá trình bắt đầu từ nguyên liệu thô cho tới khi tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh và sản phẩm đó được đưa tới tay người tiêu dùng cuối cùng”.

Từ đó, có thể định nghĩa chuỗi cung ứng toàn cầu như sau: “*Chuỗi cung ứng toàn cầu bao*

gồm tất cả các hoạt động liên quan đến việc cung cấp, sản xuất và phân phối một sản phẩm hoặc dịch vụ từ nhà cung cấp đầu tiên đến người tiêu dùng cuối cùng trên phạm vi toàn cầu”.

Phát triển chuỗi cung ứng được hiểu là phương pháp cải cách và nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp để có thể đáp ứng yêu cầu các đối tác nhằm giúp doanh nghiệp tham gia nhiều hơn, sâu hơn vào các chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

Theo Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), chuỗi cung ứng toàn cầu có sự thay đổi lớn vì ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Các công ty đa quốc gia phải đối mặt với cú sốc nguồn cung nguyên liệu, tiếp đến là cú sốc về nhu cầu khi ngày càng nhiều quốc gia áp lệnh cách ly và giãn cách xã hội. Các chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng cá nhân gặp khó khăn trong việc mua sắm các sản phẩm và nguyên liệu cơ bản, đồng thời buộc phải đối mặt với sự mong manh của chuỗi cung ứng hiện đại.

Chuỗi cung ứng của Việt Nam hiện vẫn còn chưa thực sự hiệu quả, đồng bộ, dẫn đến gia tăng chi phí. Nguyên nhân sâu xa của thực trạng này bắt nguồn từ: cơ sở hạ tầng logistics còn yếu kém, chất lượng lao động còn thấp, thiếu tính tự động hóa trong sản xuất,...

2. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN CHUỖI CUNG ỨNG THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

2.1. Tác động của COVID-19 đến chuỗi cung ứng thế giới

Dịch bệnh Covid-19, do coronavirus 2 (SARS-CoV-2) gây ra hội chứng hô hấp cấp tính được phát hiện đầu tiên ở Trung Quốc vào tháng 12 năm 2019, sau đó nhanh chóng lây lan sang các nước khác ở châu Á, châu Âu và Bắc Mỹ và được thế giới tuyên bố là đại dịch. Covid-19 đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu, làm gián đoạn hoạt động của chuỗi cung ứng và thương mại quốc tế.

Đại dịch Covid -19 tác động đến việc cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều nhà sản xuất và bán lẻ trên toàn thế giới. Việc các nhà máy ở Trung Quốc không hoạt động, dẫn đến nguồn cung linh kiện và phụ tùng cho các nhà sản xuất và bán lẻ trên toàn thế giới bị gián đoạn, kéo theo các nhà sản xuất và bán lẻ này cũng phải tạm ngừng hoạt động.

Theo nghiên cứu “Tác động kinh doanh của Coronavirus” của Công ty dữ liệu Dun & Bradstreet, ít nhất 51.000 công ty toàn cầu có một hoặc nhiều nhà cung cấp trực tiếp, hoặc cấp 1, tại các tỉnh bị ảnh hưởng của Trung Quốc. Hãng Hyundai đã phải ngừng hoạt động tất cả 7 nhà máy lắp ráp tại Hàn Quốc do thiếu linh kiện do Trung Quốc sản xuất. Tập đoàn công nghệ Samsung phải đóng cửa một nhà máy sản xuất smartphone. Tương tự, bốn nhà cung cấp “linh kiện quan trọng” của Fiat Chrysler Automobiles có trụ sở tại Trung Quốc đóng cửa và tạm ngừng sản xuất tại một trong những nhà máy ở châu Âu của họ. Hai nhà máy của công ty Apple ở Thâm Quyển và Trịnh Châu, là nhà máy sản xuất iPhone lớn nhất thế giới được mệnh danh là “thành phố iPhone”, đã buộc phải đóng cửa trong nửa đầu năm 2020.

Chỉ riêng trong tháng 02/2020, lượng hàng hóa, nguyên vật liệu Nhật Bản nhập khẩu từ Trung Quốc sụt giảm gần một nửa, đẩy các nhà sản xuất của Nhật Bản vào tình cảnh lao đao do “khát” nguyên liệu và cấu phần cần thiết để duy trì sản xuất. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tới các chuỗi cung ứng của 54% doanh nghiệp Nhật Bản. Hãng sản xuất ô tô Nissan đã phải tuyên bố ngưng hoạt động sản xuất tại một nhà máy chính tại Nhật Bản.

Khi hoạt động sản xuất của Trung Quốc bắt đầu trở lại và châu Âu và Bắc Mỹ bắt đầu áp đặt các biện pháp đóng cửa, gây ra tác động ngược lại với Trung Quốc. Các nhà sản xuất Trung Quốc bắt đầu gặp phải tình trạng thiếu nguyên liệu đầu vào từ các nhà cung cấp ở châu Âu và Bắc Mỹ, dẫn đến tình trạng các nhà sản xuất Trung Quốc hoạt động dưới công suất. Một cuộc khảo sát do Viện Quản lý Cung ứng (ISM) thực hiện cho thấy các nhà sản xuất Trung Quốc làm việc với 50% công suất, với 56% nhân viên bình thường.

Nhiều quốc gia đã phải hạn chế đường hàng không toàn cầu, ảnh hưởng đáng kể đến lượng hàng hóa vận chuyển.

Đại dịch Covid-19 làm thay đổi nhu cầu đối với hàng hóa, dịch vụ. Tác động của đại dịch Covid-19 đối với nhu cầu là hai mặt: trong khi một số ngành có nhu cầu tăng mạnh, những ngành khác lại bị sụt giảm nghiêm trọng. Nhu cầu gia tăng đối với các mặt hàng thiết yếu, các sản phẩm bảo vệ con người như khẩu trang, nước rửa tay, chất tẩy rửa một số loại thuốc, thảo mộc và vitamin,...

Nhu cầu giảm đối với hầu hết các loại sản phẩm khác và là kết quả của những bất ổn kinh tế và các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh. Ngành công nghiệp khách sạn và du lịch chịu ảnh hưởng đầu tiên, kéo theo ngành hàng không cũng chịu tác động, hầu như các hãng hàng không phải tạm dừng tất cả các chuyến bay hoặc giảm số lượng các chuyến bay theo lịch trình. Các hoạt động kinh tế khác cũng bị tác động, như: điện tử tiêu dùng đối mặt với nhu cầu giảm mạnh, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng đối với quần áo và việc các cửa hàng bán lẻ ở quốc gia có thu nhập cao đóng cửa đã ảnh hưởng đáng kể đối với các nhà cung cấp mặt hàng dệt may,... Các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động kinh doanh ở mức ổn định trong khi nguồn doanh thu của họ sụt giảm đáng kể, hậu quả gần như không thể tránh khỏi chính là việc cắt giảm nhân sự để duy trì sự tồn tại.

2.2. Tác động của Covid-19 đến chuỗi cung ứng Việt Nam

Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã rất nỗ lực trong việc đảm bảo hỗ trợ duy trì, ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh, không để đứt gãy chuỗi cung ứng, nhưng do dịch bệnh diễn biến phức tạp nên số lượng doanh nghiệp (DN) chế biến, chế tạo rút lui khỏi thị trường tiếp tục tăng. Tính chung 6 tháng đầu năm

2021, số doanh nghiệp chế biến, chế tạo tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 4.225 doanh nghiệp, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2020; doanh nghiệp chế biến, chế tạo hoàn tất thủ tục giải thể là 1.138 doanh nghiệp, tăng 29,8%. Doanh nghiệp mới thành lập cũng giảm ở hầu hết các lĩnh vực, tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong năm 2021 đạt gần 160.000 doanh nghiệp, giảm 10,7% so với năm 2020; 119.800 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 17,8%, trong đó phần lớn là các doanh nghiệp thành lập dưới 5 năm, quy mô vốn nhỏ, mức giảm mạnh nhất trong lĩnh vực nghệ thuật, vui chơi, giải trí (giảm 23%), lĩnh vực bán buôn, bán lẻ (giảm 11,8%), dịch vụ vận tải kho bãi (giảm 37,9%). Tăng trưởng kinh tế năm 2021 của Việt Nam chỉ đạt 2,58%, thấp hơn 4 điểm phần trăm so với trung bình thế giới. Dịch bệnh Covid-19 tác động không nhỏ tới chuỗi cung ứng Việt Nam trên các khía cạnh sau:

Thứ nhất, gián đoạn chuỗi cung ứng khu vực dẫn đến sản xuất kinh doanh ở Việt Nam bị trì trệ. Sự bùng phát mạnh của làn sóng Covid-19 lần thứ 4 dữ dội hơn nhiều so với những lần trước do biến thể Delta và Omicron lây lan nhanh, mạnh hơn, khó kiểm soát hơn đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam. Các doanh nghiệp tham gia vào các chuỗi cung ứng và thương mại quốc tế, đều phụ thuộc lớn vào “đầu vào, đầu ra” từ các đối tác lớn (phụ thuộc nhiều nhất vào Trung Quốc), nên quy mô tác động đến các doanh nghiệp là rất rộng, hầu hết các doanh nghiệp đều bị cắt giảm, thậm chí bị ngưng các đơn đặt hàng. Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, có xấp xỉ 94% doanh nghiệp chịu ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 và khoảng 71% doanh nghiệp tiếp tục giảm doanh thu so với năm trước, 91% doanh nghiệp đã phải chấp nhận giảm

quy mô lao động trong thời kỳ dịch bệnh diễn biến phức tạp. Dịch bệnh cũng làm ảnh hưởng đến một số dự án, doanh nghiệp do Trung Quốc làm chủ thầu hoặc chủ đầu tư sử dụng số lượng lớn chuyên gia và lao động Trung Quốc do bị hạn chế trở lại Việt Nam trong thời gian có dịch.

Các giải pháp đóng cửa biên giới, phong tỏa xã hội, cách ly xã hội... dẫn đến các hãng hàng không, giao thông công cộng bị dừng lại và thiệt hại nặng nề. Theo Cục Hàng không Việt Nam, đại dịch Covid-19 làm giảm doanh thu của các hãng hàng không Việt Nam, kéo theo du lịch bị thiệt hại, các khách sạn lưu trú và các nhà hàng, dịch vụ ẩm thực bị đóng cửa, từ đó lại tác động tiêu cực đến dịch vụ cung ứng thực phẩm, cuối cùng là tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, đứt gãy nguồn “cung - cầu” lao động việc làm, thất nghiệp tăng. Trong quý III/2021, diễn biến bất thường của đại dịch Covid-19 đã đẩy tỷ lệ thất nghiệp tăng cao đột biến, vượt xa con số 2% như thường thấy. Thu nhập bình quân tháng của người lao động là 5,2 triệu đồng, sụt giảm nghiêm trọng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Trong 9 tháng đầu năm 2021, cả nước có hơn 1,3 triệu người lao động thất nghiệp, 1,3 triệu lao động đã về quê... Điều đó đồng nghĩa với thu hút lao động trở lại sau dịch trở nên rất khó khăn.

Việc thực hiện giãn cách xã hội kéo dài theo Chỉ thị 16 của Chính phủ tại các tỉnh phía Nam đã khiến 80% các nhà máy sản xuất dệt may, da giày tại TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, An Giang, Kiên Giang... là những nơi tập trung nhiều doanh nghiệp lớn trong các khu công nghiệp, phải ngừng sản xuất do không đủ điều kiện thực hiện quy chế “3 tại chỗ” và “một cung đường, hai điểm đến”. Tại các địa phương miền Trung và miền

Bắc, các doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may, da giày chỉ hoạt động với 50-70 % công suất, do giãn cách xã hội và thiếu lao động. Khoảng 40% doanh nghiệp có đủ điều kiện và dám thực hiện điều kiện 3 tại chỗ.

Đối với các doanh nghiệp còn hoạt động, trong bối cảnh như vậy đã buộc phải giảm sản lượng do phải giảm số lao động làm việc để thực hiện giãn cách, đồng thời phát sinh nhiều chi phí do đứt gãy chuỗi cung nguyên phụ liệu, chi phí phòng chống Covid-19 (xét nghiệm, tiêm chủng, lo ăn, ở 3 tại chỗ cho người lao động). Nhiều lao động bỏ về quê để tránh lây lan dịch bệnh và khó khăn trong việc đi lại, di chuyển giữa các địa phương do phong tỏa, giãn cách xã hội.

Bên cạnh đó, tình trạng thiếu container rỗng, chi phí logistics và vận chuyển tàu biển quốc tế tăng cao (gấp 5-10 lần) xảy ra từ năm 2020 chưa trở về trạng thái bình thường cùng với chi phí nhiên liệu và giá nguyên phụ liệu nhập khẩu tăng cao đã ảnh hưởng nhiều tới sản xuất, gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

3. THÁCH THỨC CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM KHI THAM GIA CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU

Đại dịch Covid-19 đã khiến phần lớn các nước “thức tỉnh” khi nhận ra sự phụ thuộc quá mức vào nguồn cung sản xuất từ Trung Quốc. Các tập đoàn đa quốc gia, chủ yếu ở lĩnh vực công nghệ đã và đang cân nhắc việc dịch chuyển nhà máy sản xuất ra khỏi Trung Quốc để giảm thiểu và phân tán rủi ro. Việt Nam là một trong những quốc gia được các nhà đầu tư đánh giá cao, nhiều tiềm năng trong việc đáp ứng thị trường và cạnh tranh với nhiều nước khác. Vậy đâu là thách thức mà doanh nghiệp Việt Nam gặp phải?

Chi phí đầu vào tăng mạnh

Một thách thức quan trọng đối với các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay là chi phí đầu vào tăng mạnh.

Thị trường hàng hóa thế giới quý I/2022 diễn biến phức tạp, áp lực lạm phát tăng cao tại nhiều nước. Giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất tăng nhanh trong bối cảnh nhiều quốc gia tích cực triển khai các gói kích thích tăng trưởng, đẩy mạnh tiến trình phục hồi kinh tế. Thị trường xăng dầu thế giới nhiều biến động, đặc biệt khi xảy ra xung đột giữa Nga và Ukraine. Các lệnh trừng phạt của Mỹ và EU đối với Nga khiến nguồn cung dầu thô và xăng dầu thành phẩm thiếu hụt trong khi dự trữ tại nhiều nước sụt giảm làm cho giá nguyên nhiên vật liệu trên thị trường thế giới tăng cao. Quý I năm 2022, nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 1,49% so với quý trước và tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,21% và tăng 9,1%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,47% và tăng 5,52%; dùng cho xây dựng tăng 1,67% và tăng 8,26%. Tính đến ngày 23/3/2022, giá dầu Brent bình quân quý I/2022 đạt 96,13 USD/thùng, tăng 28,52% so với tháng 12/2021 và tăng 56,77% so với cùng kỳ năm trước.

Giá cả hàng hóa ở thị trường trong nước diễn biến theo thị trường thế giới. So với cùng kỳ năm trước, giá xăng dầu trong nước bình quân quý I/2022 tăng 48,81%. Việc giá xăng dầu tăng dẫn đến giá dịch vụ vận tải, kho bãi quý I/2022 tăng 3,08%, trong đó: giá dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ tăng 2,92%, giá dịch vụ vận tải đường thủy quý I tăng 15,21% do hiện tượng thiếu tàu, thiếu công nhân rỗng tại các cảng biển trong khi nhu cầu vận chuyển hàng hóa tăng cao, đồng thời phải đảm bảo yêu cầu phòng dịch tại các bến cảng là nguyên

nhân chính đẩy giá vận tải đường thủy tăng, giá dịch vụ vận tải đường hàng không quý I tăng 9,14%. Cùng với những bất cập về giá cước, phụ phí hãng tàu nước ngoài đang thu cũng trở thành gánh nặng đối với chủ hàng Việt Nam.

Đứt gãy trong chuỗi cung ứng và tiêu thụ hàng hóa

Đại dịch Covid-19 đã khiến sức mua từ các thị trường giảm và phục hồi “thận trọng” và làm thay đổi xu hướng tiêu thụ: giảm tiêu thụ các kênh dịch vụ, nhà hàng, khách sạn; tăng tiêu thụ tại các siêu thị, các kênh bán lẻ, ảnh hưởng nặng nề đến toàn bộ nền kinh tế thế giới chứ không chỉ riêng Việt Nam. Đối với thị trường xuất khẩu nông sản, đại dịch Covid-19 lại đẩy ngành vào một thế khó hơn khi mọi hoạt động kinh tế đều buộc phải tạm dừng có thời hạn. Điều này đã tác động đến hai yếu tố chính đó là thị trường xuất khẩu và nhu cầu tiêu thụ hàng nông sản của nước ta. Ví dụ: Trung Quốc đã buộc phải tạm dừng một số hoạt động kinh tế, trong đó có việc đóng cửa biên giới, hạn chế giao thương với các nước. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến Việt Nam khi lượng hàng hóa nông sản xuất khẩu sang Trung Quốc bị ứ ứ tại cửa khẩu.

Tại Mỹ, một trong ba thị trường xuất khẩu chủ lực của nước ta cũng ít nhiều bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Do việc áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội trên diện rộng và kéo dài đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam. Bên cạnh đó, cước phí vận chuyển tăng cao khiến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam chịu nhiều tác động tiêu cực.

Chất lượng hàng hóa không đáp ứng được những yêu cầu của thị trường quốc tế

Theo các chuyên gia kinh tế, khi Việt Nam thông thương với một trong những thị trường lớn và có năng lực cạnh tranh cao như EU,

một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh sẽ gặp khó khăn. Ngoài ra, EU là thị trường có yêu cầu rất cao về chất lượng sản phẩm, đòi hỏi về cả quy trình sản xuất hàng hóa và nguồn gốc, xuất xứ... cũng là những thách thức cho các doanh nghiệp Việt khi tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, hiện nay, nguyên liệu sản xuất một số hàng hóa của Việt Nam phần lớn nhập khẩu từ Trung Quốc. Vì vậy, các doanh nghiệp Việt gặp khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ của các hiệp định thương mại tự do. Bên cạnh đó, hàng rào kỹ thuật và quy định về vệ sinh dịch tễ của EU cũng rất cao mà không phải doanh nghiệp nào của Việt Nam cũng có thể đáp ứng được. Cùng với đó, các biện pháp phòng vệ thương mại của EU rất chặt chẽ, vượt qua được cũng không hề đơn giản. Đây là những rào cản khiến các doanh nghiệp Việt gặp khó khăn khi tham gia vào chuỗi cung ứng cho thị trường EU nói riêng và toàn cầu nói chung.

Hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp Việt Nam

Dù Việt Nam có nguồn lao động trẻ, khỏe và dồi dào, tuy nhiên, chất lượng nhân lực vẫn còn nhiều hạn chế và tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn khá thấp, các nhà sản xuất khó thuê được lao động để làm các công việc phức tạp, đòi hỏi trình độ cao. Điều này gây ra nhiều thách thức với chất lượng nguồn nhân lực trong xu thế hội nhập với thị trường toàn cầu công nghệ cao.

Sản xuất công nghiệp của Việt Nam hiện nay nhìn chung vẫn đang tập trung chủ yếu vào các hoạt động sản xuất ở công đoạn cuối cùng, đem lại giá trị gia tăng thấp. Các ngành công nghiệp của doanh nghiệp (DN) Việt Nam nhìn chung mới chỉ tham gia được vào các khâu trung gian có giá trị gia tăng thấp (là các khâu

gia công, lắp ráp), chưa chiếm lĩnh được các phân khúc có giá trị gia tăng cao như các khâu thượng nguồn (như nghiên cứu phát triển, thiết kế sản phẩm; quảng bá sản phẩm, phân phối, chăm sóc khách hàng) hoặc cung ứng các sản phẩm dịch vụ và các khâu hạ nguồn (như nguyên, nhiên vật liệu, máy móc thiết bị sản xuất). Do đó, năng lực chuyên môn được nâng cao và cải thiện sẽ đem lại những lợi thế lớn cho sản phẩm nội địa và năng lực thị trường Việt Nam.

Đồng thời, hạn chế về trình độ chuyên môn đang là điểm nghẽn khiến các DN Việt khó tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhiều DN bày tỏ, họ có mong muốn cung ứng dịch vụ cho DN FDI song việc đầu tiên họ cần làm là phải thuê tuyển những kỹ sư, quản lý từ Hàn Quốc, Trung Quốc... có tay nghề cao để đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Bên cạnh đó, chất lượng sinh viên tốt nghiệp không đáp ứng đủ trình độ và kỹ năng doanh nghiệp cần. Sinh viên hiện nay vẫn còn thiếu nhiều kỹ năng mềm và thực hành, chỉ học nhiều lý thuyết nhưng không biết áp dụng khi làm việc. Đây thực sự là một hồi chuông báo động đối với nguồn nhân lực trẻ trên bình diện hội nhập thế giới.

Hiện nay, cạnh tranh về lao động giá rẻ không còn là lợi thế của Việt Nam như trước đây. Các xu hướng khác như tự động hóa, trí tuệ nhân tạo đang ngày càng trở nên hấp dẫn thì chi phí lao động không còn là yếu tố đáng kể, mà chính địa điểm và khả năng huy động lao động có tay nghề mới đóng vai trò lớn trong quy trình đưa ra quyết định của các nhà đầu tư nước ngoài.

Công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển

Ngành công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam vẫn còn khá yếu khi năng lực sản xuất nội địa chưa đáp ứng yêu cầu thị trường buộc phải

nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh phụ kiện từ thị trường nước ngoài. Theo thống kê của Bộ Công Thương, cả nước hiện có 1.800 DN công nghiệp hỗ trợ (CNHT), nhưng chỉ có khoảng 300 DN tham gia được vào chuỗi cung ứng toàn cầu, nhưng cũng chỉ mới cung ứng phụ tùng thay thế, lắp ráp gia công chứ chưa phải các sản phẩm chính.

Các DN Việt Nam đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) với quy mô và năng lực hạn chế. Việc thiếu vốn đầu tư cho công nghệ mới đang là hạn chế lớn nhất của các DNNVV, làm giảm cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Ông Lê Dương Quang, Chủ tịch Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam cho biết, các DN FDI thường có yêu cầu cao về chất lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp và tiến độ giao hàng và rất nhiều DN Việt Nam chưa đáp ứng được.

Theo Hiệp hội DN Điện tử Việt Nam, các tập đoàn công nghệ lớn như Apple, Samsung, Canon, Panasonic... không ngừng mở rộng đầu tư sản xuất tại Việt Nam, tạo cơ hội cho các DN Việt Nam đẩy mạnh sản xuất sản phẩm CNHT cho ngành điện tử. Tuy nhiên, số lượng DN nội địa thuộc lĩnh vực CNHT của ngành điện tử đã và đang là nhà cung cấp cho các DN FDI không nhiều.

Đứt gãy chuỗi cung ứng lao động

Việc số lượng lớn lao động lớn về quê tránh rời các đô thị dịch khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra sẽ tạo thêm áp lực cho thị trường lao động, nhất là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Luồng di chuyển lao động chủ yếu hiện nay là từ các nơi tập trung nhiều Khu công nghiệp như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An về các tỉnh khu vực Tây Nguyên, miền Trung. Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) nhận định: "Việc di chuyển lao động là một tín hiệu cho thấy nguy cơ thiếu hụt lao động với số lượng

lớn trong và sau dịch. Đặc biệt là sự thiếu hụt lao động phổ thông làm việc trong các doanh nghiệp gia công ngành da giày, dệt may, lắp ráp linh kiện điện tử... Nguy cơ thiếu hụt lao động trong trường hợp dịch bệnh được kiểm soát sẽ xảy ra ở các tỉnh, thành tập trung nhiều Khu công nghiệp. Ngược lại, ở những nơi nguồn cung lao động lớn, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu thì sẽ dư thừa lao động.

Chuỗi cung ứng dệt may, da giày, điện tử,... lại một lần nữa có nguy cơ đứt gãy không phải do yếu tố cung - cầu bên ngoài, mà do chính yếu tố trong nước, trong đó việc khan hiếm lao động là một nguyên nhân chính.

Cơ sở hạ tầng logistics yếu kém

Ngành logistic có vai trò nút thắt quan trọng chuỗi cung ứng hàng hóa và sản xuất của bất kỳ quốc gia nào. Tuy nhiên, năng lực vận tải quốc tế của Việt Nam vẫn còn khá yếu và chi phí logistic thuộc hàng khá cao so với khu vực và thế giới. Việt Nam có khoảng 4000 - 4500 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistic trực tiếp và hơn 30.000 doanh nghiệp liên quan, tuy nhiên, chỉ có khoảng 10% là thuộc các doanh nghiệp lớn.

Chi phí cao là một yếu tố cần quan tâm khi chi phí logistic tại Việt Nam thuộc mức khá cao tại khu vực và thế giới, cao hơn rất nhiều so với các nước phát triển như Mỹ và cao hơn các nước đang phát triển như Trung Quốc hay Thái Lan. Nguyên nhân chính gây nên tình trạng này là cơ sở hạ tầng vận tải của Việt Nam đã quá cũ kỹ và quá tải, hệ thống đường sắt được sử dụng đến nay vẫn còn từ thời Pháp thuộc, toàn quốc có 22 sân bay được khai thác, trong đó có 10 sân bay quốc tế và 12 sân bay nội địa, dự kiến có thêm 5 sân bay được khánh thành vào năm 2030 tại Lào Cai, Sơn La, Quảng Trị, Bình Thuận và Đồng Nai. Tuy nhiên, phần lớn các sân bay đều bị quá tải và không đáp ứng đủ tiêu chuẩn đầu mỗi khu

vực và quốc tế. Đồng thời, hệ thống quản lý hành chính phức tạp và vận chuyển hàng bằng đường hàng không còn khá yếu, trong khi vận tải bằng đường bộ chi phí khá cao.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHUỖI CUNG ỨNG CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu đem lại cơ hội phát triển cho nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, giúp cân bằng cơ cấu thương mại. Tuy nhiên, do bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, xung đột giữa Nga và Ukraine ngày càng gay gắt và đại dịch Covid-19 gây gián đoạn chuỗi cung ứng làm đình trệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ dẫn tới xu hướng dịch chuyển đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu. Để phục hồi và phát triển chuỗi cung ứng trong và sau đại dịch Covid-19 không chỉ cần sự cố gắng của doanh nghiệp mà còn cần sự hỗ trợ của Nhà nước, tác giả xin đưa ra một số giải pháp sau:

1. Đối với doanh nghiệp

Tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại.

Hơn lúc nào hết, nhu cầu đổi mới công nghệ đang trở nên cấp thiết đối với các doanh nghiệp Việt Nam nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất và sẵn sàng đón nhận làn sóng đầu tư mới trong nỗ lực đa dạng hóa chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia. Doanh nghiệp cần đặt ưu tiên hàng đầu là tự động hóa, bởi chỉ có tự động hóa mới giải quyết được 3 bài toán: Giảm giá thành, ổn định về chất lượng và đáp ứng được thời gian giao hàng", và giúp doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

Tăng cường hợp tác kết nối với các doanh nghiệp FDI. Để doanh nghiệp trong nước tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu,

bước lên nấc thang cao hơn trong chuỗi cung ứng thì việc tăng cường liên kết giữa DN với các DN FDI là điều hết sức quan trọng. Quá trình liên kết không chỉ giúp DN trong nước hấp thụ được công nghệ, kinh nghiệm quản lý từ các DN FDI mà ngược lại, DN FDI tìm được các nhà cung ứng trong nước, từ đó làm giảm chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm của mình.

Nâng cao tay nghề của người lao động. Xây dựng những chương trình đào tạo, phổ cập chuyên môn về những hình thức sản xuất mới, dây chuyền sản xuất và hệ thống trang thiết bị hiện đại cho người lao động trong doanh nghiệp. Cử những chuyên gia, kỹ sư chuyên môn trong việc vận hành những máy móc thiết bị, vật tư mới cho lao động; trực tiếp tham gia hướng dẫn và theo dõi cho đến khi thấy được sự lành nghề trong quá trình sản xuất, chế biến.

Đối với các trường đại học, các cơ sở giáo dục: cần chủ động phối hợp với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đã liên kết, hợp tác để rà soát nhu cầu, xây dựng phương án hỗ trợ đào tạo. Có thể bố trí vào xen kẽ học lý thuyết tại trường và thực hành - thực tập tại doanh nghiệp để học sinh - sinh viên vừa nắm được lý thuyết, đồng thời thực hành luôn phần lý thuyết mình được học tại doanh nghiệp, để bảo đảm chất lượng sinh viên sau khi ra trường có thể đáp ứng được yêu cầu của thị trường, DN.

Tìm kiếm, mở rộng mạng lưới các nhà cung ứng. Dù đã trực tiếp bị ảnh hưởng từ các nhà cung ứng quan trọng hay chưa, thì doanh nghiệp cũng nên tự chuẩn bị cho mình danh sách những nhà cung ứng thay thế để đảm bảo khả năng ứng phó kịp thời trước những tình huống xấu. Doanh nghiệp có thể cân nhắc lựa chọn các quốc gia có nguồn cung tương đối đa dạng như Ấn Độ, Brazil hay các nước láng

giềng thuộc khu vực Đông Nam Á.

Xây dựng những kế hoạch sản xuất tinh gọn. Doanh nghiệp cần chuẩn bị tâm thế sẵn sàng điều chỉnh lịch trình sản xuất hợp lý dựa trên sự thay đổi về cung - cầu, nguồn lực nhân sự hiện có. Việc này sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm được không ít chi phí vận hành, đồng thời giảm tải được gánh nặng tâm lý làm việc với đội ngũ nhân viên trong thời điểm dịch. Ngoài ra, các đơn vị thiếu hụt nguồn cung cũng cần phải đảm bảo việc sử dụng nguồn nguyên liệu tích trữ, tồn kho hợp lý, tránh tình trạng dư thừa hay thiếu hụt trong dây chuyền sản phẩm.

2. Đối với Nhà nước

Một là, cần nhanh chóng, quyết liệt kiểm soát dịch bệnh: cần thực hiện các biện pháp quyết liệt hơn nữa nhằm kiểm soát và đẩy lùi đại dịch Covid-19, nhất là tại khu vực đông lực, thành phố lớn, các địa phương có nhiều khu công nghiệp. Việc kiểm soát không để dịch bệnh lây lan cần được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cần được ưu tiên, quyết liệt thực hiện. Việc kiểm soát được dịch bệnh sẽ quyết định tới mục tiêu ổn định kinh tế - xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Hai là, mở rộng tìm kiếm nguồn cung từ các thị trường mới để tìm kiếm những nguồn cung vật liệu mới cũng như đầu ra cho sản phẩm. Để khắc phục thiếu hụt nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, cần hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm nguồn cung thay thế thông qua việc tăng cường liên kết, tận dụng tối đa các thị trường mới mở ra từ các Hiệp định thương mại tự do, giúp hạn chế thấp nhất việc lệ thuộc vào thị trường một thị trường chính, dẫn đến bị động khi xảy ra tình huống bất khả kháng. Các doanh nghiệp dặt may có thể chuyển hướng nhập khẩu nguyên vật liệu từ Hàn Quốc, Ấn Độ, Bangladesh và Brazil để tránh phụ thuộc vào nhập khẩu nhiều từ thị

trường Trung Quốc.

Giá cả nguyên liệu trên thế giới sẽ tiếp tục tăng trong tương lai. Do đó, Chính phủ cần nỗ lực thực hiện các biện pháp ngoại giao để đảm bảo nguồn nguyên liệu thô thông qua tăng cường hợp tác với Chính phủ các nước giàu tài nguyên, hỗ trợ các doanh nghiệp ký hợp đồng nhập khẩu nguyên liệu dài hạn, đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào, ổn định giá thành sản xuất để kiểm soát lạm phát.

Ba là, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT). Nhà nước cần: Hoàn thiện chính sách phát triển CNHT như chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là chính sách về vốn vay, lãi suất ưu đãi, chính sách thuế...; cần xây dựng và thực thi hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành CNHT phù hợp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng trong nước; xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ tập trung để tạo cụm liên kết ngành; phát triển các ngành công nghiệp vật liệu nhằm tăng cường tính tự chủ về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu; xây dựng và vận hành hiệu quả các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp; phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Bốn là, tập trung thực hiện tốt an sinh xã hội theo hướng phù hợp, kịp thời hơn với nhu cầu điều kiện của công nhân, người di cư có thu nhập thấp ở các khu công nghiệp, thành phố lớn. Đây là cơ sở để không tạo ra các làn sóng di cư thành thị - nông thôn bất thường, nhằm đảm bảo không bị đứt gãy thị trường lao động trong “trạng thái bình thường mới”. Nghiên cứu xây dựng các gói hỗ trợ đặc thù cho nhóm lao động yếu thế (lao động nữ và lao động không có trình độ chuyên môn, kỹ thuật...).

Năm là, hoàn thiện cơ sở hạ tầng logistics: Cần hoàn thiện chính sách phát triển về dịch vụ logistics, ưu tiên đầu tư hạ tầng logistics bằng cách mở rộng quỹ đất, đầu tư hoàn thiện hạ tầng, rà soát quy hoạch đầu tư xây dựng các trung tâm kho vận lớn, tập trung; nâng cấp kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải, giảm các khoản phí hạ tầng, phụ phí bến bãi; cần thực hiện đầu tư đồng bộ để bảo đảm kết nối giao thông thuận tiện đến các cảng hàng không, đặc biệt là với các trung tâm logistics; sớm hoàn thành quy hoạch nhà ga hàng hóa, dành quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng hàng không. Bên cạnh đó, cần ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả cho đầu tư phát triển logistics hàng không.

Sáu là, tiếp tục miễn giảm thuế, phí cho các doanh nghiệp: Tiếp tục áp dụng các gói chính sách tín dụng hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, nông dân chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. Hỗ trợ thanh khoản, duy trì việc cho vay, miễn giảm lãi suất cho vay, khoan nợ, giãn nợ, nới lỏng các điều khoản trả nợ, đẩy nhanh quá trình và thời gian xem xét các đơn xin vay và giải ngân các khoản vay, miễn lãi quá hạn các khoản vay... Các ngân hàng thương mại tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hạ chi phí logistics và không tăng giá các loại dịch vụ thiết yếu cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh Covid-19.

Xây dựng chương trình hỗ trợ vay vốn để các DN có thể tiếp cận nhanh hơn đến dây chuyền sản xuất, chế biến mới; đẩy mạnh tốc độ công nghệ hóa chuỗi sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Bảy là, phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa trong nước: Tiếp tục phát triển các chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu trên thị trường nội địa, đẩy mạnh liên kết chuỗi, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp

sản xuất với các doanh nghiệp phân phối, bán lẻ và đẩy mạnh liên kết trong toàn chuỗi cung ứng, gắn với các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Hình thành các chuỗi liên kết thuần Việt Nam đáp ứng quy định, tiêu chuẩn theo đúng thông lệ quốc tế. Tăng cường phát huy các sáng kiến kết nối cung - cầu trên thị trường trong nước. Triển khai các hoạt động kết nối cung - cầu hàng hóa, kích cầu tiêu dùng nội địa nhằm tạo thuận lợi tiêu thụ hàng hóa sản xuất trong nước tại các kênh phân phối truyền thống và hiện đại.

Tám là, tổ chức lại các chuỗi cung ứng cho sản xuất công nghiệp, tạo sự bền vững, linh hoạt để phát triển các chuỗi cung ứng mới. Từng bước thúc đẩy cơ cấu lại hoạt động sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ tăng cường tính tự chủ về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong giá trị toàn cầu, nhằm tự chủ nguồn nguyên phụ liệu, vật liệu trong nước phục vụ cho phát triển bền vững công nghiệp. Ngành công nghiệp hỗ trợ được định hướng là một trong những ngành ưu tiên phát triển và được ưu đãi đầu tư.

Chín là, tận dụng cơ hội dịch chuyển chuỗi cung ứng và vốn đầu tư để thu hút FDI có sàng lọc. Cụ thể: Sớm xây dựng và công bố chính sách thu hút dịch chuyển dòng vốn đầu tư; rà soát toàn bộ các khu công nghiệp (KCN) để có điều chỉnh linh hoạt về KCN cần ưu tiên mở rộng hoặc xây mới, KCN cần thu hẹp, thu lại; công bố danh sách các KCN sẵn sàng về quỹ đất sạch, cơ sở hạ tầng...; chủ động quảng bá, mời gọi các tập đoàn đa quốc gia, các công ty và thương hiệu lớn đầu tư vào Việt Nam, các khu vực có thế mạnh về công

nghệ, vốn, kỹ năng quản lý như: Mỹ, EU, Nhật Bản để tăng cường thu hút đầu tư. Tập trung ưu tiên kêu gọi đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ cao, có tính chất mũi nhọn và khả năng bứt phá, tạo ra nhiều giá trị gia tăng như: công nghệ mới, dược phẩm, dịch vụ tài chính - ngân hàng, du lịch, nông nghiệp sạch và chế biến thực phẩm.

Cuối cùng là, đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế số: Chính phủ điện tử và thanh toán, giao dịch điện tử; vừa là để tăng năng suất lao động, vừa là theo kịp xu thế và giảm rủi ro lây lan dịch bệnh do tương tác trực tiếp. Tăng cường hỗ trợ các cơ hội giao thương, thiết lập chuỗi cung ứng hàng nội địa theo các ứng dụng mua bán điện tử, kết nối các cơ hội xuất khẩu trên các trang web lớn như Amazon, Alibaba.... nhằm quảng bá và tăng cơ hội

giao thương quốc tế.

5. KẾT LUẬN

Trước những đòi hỏi trong bối cảnh mới, việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu được xem là động lực để các ngành sản xuất ở Việt Nam tái cấu trúc toàn bộ hệ thống và mạng lưới hoạt động của mình. Dù thách thức là khó tránh khỏi, nhưng những cơ hội đem lại cũng sẽ không ít. Vì vậy, để đứng vững và duy trì mắt xích đã có trong chuỗi cung ứng toàn cầu đòi hỏi sự vận động tích cực hơn nữa từ phía doanh nghiệp và toàn nền kinh tế, nhằm hướng tới đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng và hiệu quả. Đây chính là điều kiện tiên quyết để Việt Nam có thể tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] PGS.TS. Phạm Thị Thanh Bình, “Phát triển chuỗi cung ứng thương mại Việt Nam trong bối cảnh hậu Covid-19”, Tạp chí Ngân hàng (2021).
- [2] Ngọc Quỳnh, “Thúc đẩy hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng Việt Nam”, Bnews (2021).
- [3] [ThS. Bùi Thị Nhân - ThS. Nguyễn Thị Toàn, “Tác động của đại dịch Covid-19 đến chuỗi cung ứng toàn cầu và cơ hội cho Việt Nam”, Tạp chí Công Thương (2021).
- [4] Tổng cục Thống kê, “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2021”, <https://www.gso.gov.vn> , truy cập ngày 8/03/2022.
- [5] Tổng cục Thống kê, “Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2022”, <https://www.gso.gov.vn> , truy cập ngày 26/03/2022.
- [6] Sean Harapko, “How Covid-19 impacted supply chains and what comes next”, EY (2021).

Thông tin liên hệ: **Lê Thị Huyền**

Điện thoại: 0979055601 - Email: lthuyen@uneti.edu.vn

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.